TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG A N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 31-12- 2021
V/v TrAh chấp ly hôn

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Hiếu

2. Bà Hồ Thị ĐoA Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hương L, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Ấp N, xã TL, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái A, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Ấp N, xã TL, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2021, nguyên đơn Bà Phạm Thị Hương L trình bày: Bà và ông Thái Văn A cưới nhau vào năm 1983, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1984 tại Uỷ ban nhân xã Mỹ Lệ, huyện CĐ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẩn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống không có hạnh phúc nên vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Thái Thế V, sinh ngày 21/02/1985,

Thái Cẩm T, sinh ngày 17/5/1995, hiện 02 con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thái A trình bày tại bản tự khai ngày 10/11/2021: Ông A thống nhất với trình bày theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Hương L về thời giA kết hôn, thời giA sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẩn của vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông A cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Thái Thế V, sinh ngày 21/02/1985, Thái Cẩm T, sinh ngày 17/5/1995, hiện 02 con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông A nhưng ông A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Hương L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Thái Văn A là quan hệ tranh chấp ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Hương L, bi đơn ông Thái Văn An đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng bà L, ông A đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử vắng mặt bà L và ông A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hương L và ông Thái Văn A cưới nhau vào năm 1983, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1984 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện CĐ, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà L và ông A thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 01

năm 2020 cho đến nay. Bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông A nên yêu cầu được ly hôn với ông A và ông A cũng đồng ý nhưng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông A.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Thái Thế V, sinh ngày 21/02/1985, Thái Cẩm T, sinh ngày 17/5/1995, hiện 02 con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà L và ông A cũng không có yêu cầu gì nên không đề cập.

[2.3] Về chia tài sản chung: Bà L và ông A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[2.4] Về nợ chung: Bà L và ông A đều trình bày không có nợ chung nên không đề cập.

[3] Về án phí hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hương L là người cao tuổi, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tạm ứng án phí và án phí cho bà Phạm Thị Hương L.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Phạm Thị Hương L với bị đơn ông Thái Văn A.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hương L được ly hôn với ông Thái Văn A.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Thái Thế V, sinh ngày 21/02/1985, Thái Cẩm T, sinh ngày 17/5/1995, hiện 02 con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà L và ông A cũng không có yêu cầu gì nên không đề cập.

3. Về chia tài sản chung: Bà L và ông A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về nợ chung: Bà L và ông A đều trình bày không có nợ chung nên không đề cập.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Hương L là người cao tuổi, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tạm ứng án phí và án phí cho bà Phạm Thị Hương L.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựoc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Long A;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út

***Nơi nhận*:**
- TAD tỉnh Long A;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út